

Bài 5 SINH NHẬT CỦA VOI CON

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại; đọc đúng các vần *oam, oăc, oăm, uơ* và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn; viết sáng tạo một câu ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của truyện đồng thoại (truyện cho trẻ em trong đó loài vật và các vật vô tri được nhân cách hoá để tạo nên một thế giới thần kì, thích hợp với

trí tưởng tượng của các em); nội dung của VB *Sinh nhật của voi con*; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo các vần *oam, oăc, oăm, uơ*; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*ngoạm, tiết mục, ngúc ngoắc, mỏ khoằm, huơ vòi*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

GV nắm được một số đặc tính của con vật sống trong rừng như: vẹt có mỏ khoằm, sóc và khỉ có đuôi dài, voi có vòi dài, gấu có thể ngoạm đồ ăn, thỏ thích ăn cà rốt.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh họa (tranh voi con, khỉ vàng, sóc nâu, gấu đen, vẹt mỏ khoằm, thỏ trắng) hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về từng con vật trong tranh. GV có thể đặt một số câu hỏi để gợi ý (*Tranh có những con vật nào? Các con vật có gì đặc biệt?*)
 - + Một số (2 - 3) HS trình bày đáp án trước lớp. Các HS khác bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác. (Gợi ý: *Vẹt có mỏ khoằm, sóc nâu và khỉ vàng có đuôi dài, voi con có vòi dài, gấu đen có thể ngoạm đồ ăn, thỏ trắng thích ăn cà rốt.*)
 - + GV và HS thống nhất câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Sinh nhật của voi con*. (Gợi ý: Các con vật có những đặc điểm, thói quen khác nhau nhưng chúng cũng luôn biết chia sẻ, quan tâm tới nhau. Điều đó sẽ được thể hiện rõ trong VB *Sinh nhật của voi con*).

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: *oam* (*ngoạm*), *oăc* (*ngúc ngoắc*), *oăm* (*mỏ khoằm*), *uơ* (*huơ vòi*).
 - + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

- HS đọc câu.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Khỉ vàng và sóc nâu/ tặng voi/ tiết mục "ngúc ngoắc đuôi"; Vẹt mỏ khoằm/ thay mặt các bạn/ nói những lời chúc tốt đẹp.*)
- HS đọc đoạn.
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *tốt đẹp*, đoạn 2: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (*ngoạm*: cắn hoặc gặm lấy bằng cách mở to miệng; *tiết mục*: từng phần nhỏ, mục nhỏ của một chương trình được đem ra trình diễn; *ngúc ngoắc*: cử động lắc qua, lắc lại; *mỏ khoằm*: mỏ hơi cong và quặp vào (miêu tả kết hợp với tranh trực quan); *hươ vùi*: giơ vòi lên và đưa qua đưa lại liên tiếp (miêu tả kết hợp với tranh trực quan).
 - + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB.
 - + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
 - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. (a. *Những bạn nào đến mừng sinh nhật voi con?* b. *Voi con làm gì để cảm ơn các bạn?* c. *Sinh nhật của voi con như thế nào?*)
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Đến mừng sinh nhật voi con có bạn thỏ, gấu, khỉ, sóc, vẹt;* b. *Voi con hươ vùi để cảm ơn các bạn;* c. *Sinh nhật của voi con rất vui.*)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (*Voi con hươ vùi để cảm ơn các bạn*).
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu chấm đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Văn rất vui vì được đi chơi cùng các bạn.*)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
- HS và GV nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu. (*Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con. Nó hươ vòì cảm ơn các bạn.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:
 - + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả (*sinh*).
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Các bạn/ chúc mừng sinh nhật voi con./ Nó hươ vòì/ cảm ơn các bạn*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần cả hai câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đối vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Sinh nhật của voi con* từ ngữ có tiếng chứa vần *oac, oac, uơ, ư*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *oac, oac, uơ, ư*.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Nói lời chúc mừng sinh nhật một người bạn của em

- GV gợi ý cho HS ý tưởng (*Vào ngày sinh nhật em muốn bạn chúc em như thế nào? Em muốn chúc bạn điều gì nhân ngày sinh nhật bạn?...*).
- GV cho HS thực hành nói lời chúc mừng sinh nhật theo nhóm đôi.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả.
- GV lưu ý HS về cách nói lời chúc mừng sinh nhật bạn.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.